

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Biểu mẫu 18

*Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo*

THÔNG BÁO

**Công khai chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, năm học 2018 - 2019
(Về các học phần của từng khóa học, chuyên ngành, thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp)**

NGÀNH: SƯ PHẠM LỊCH SỬ

1. Công khai các học phần của từng khóa học, chuyên ngành

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|------------|--|---|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin | Học phần giúp người học, xây dựng được thế giới quan và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các chuyên ngành được đào tạo và định hướng cho nhận thức và thực tiễn, vận dụng được kiến thức cơ bản để lí giải các quá trình KT – CT – XH. | 5 | Học kì 1 | Tự luận |
| 2 | Tin học căn bản | Học phần giúp người học có khả năng sử dụng máy tính như một phương tiện phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu, sử dụng máy tính với các phần mềm MS Word, MS Excel và MS PowerPoint thành thạo, truy cập Internet để tiếp cận với các thông tin mới và có thể học được các học phần khác có sử dụng máy tính. | 3 | Học kì 1 | Thực hành |
| 3 | Giáo dục thể chất 1 | Học phần giúp người học rèn luyện thể chất và tập luyện thể thao để giữ gìn sức khỏe. Bồi dưỡng kĩ năng vận động trong cuộc sống thông qua các bài tập thể dục phát triển chung, bài tập thể lực, bài tập chạy cự ly ngắn và các phương pháp tập luyện, tự tập luyện phát triển thể lực cá nhân (sức bền, sức mạnh, sức nhanh, khéo léo, độ dẻo). | 1 | Học kì 1 | Kiểm tra thực hành |
| 4 | Nhập môn nghề giáo | Học phần giúp người học hình thành và phát triển hệ thống tri thức về vị trí, vai | 1 | Học kì 1 | Tự luận, bài |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | trò của nghề giáo trong xã hội; các đặc điểm lao động của nghề giáo, các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người làm nghề giáo theo yêu cầu đổi mới hiện nay; kỹ năng định hướng rèn luyện để trở thành người giáo viên trong tương lai. | | | tập |
| 5 | Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1 | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến cuối thế kỉ XV, với nội dung chủ yếu từ khi thành lập quốc gia quân chủ độc lập thống nhất (thế kỉ X) đến hết thời kì thịnh trị của nhà Hậu Lê (1500). | 2 | Học kì 1 | Tự luận |
| 6 | Lịch sử thế giới cổ trung đại 1 | Học phần giúp người học có kiến thức về nguồn gốc loài người, các thời kì phát triển của xã hội nguyên thủy; Sự hình thành, quá trình phát triển lịch sử, đặc điểm kinh tế - xã hội và thành tựu văn hóa các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây. | 2 | Học kì 1 | Tự luận |
| 7 | Nhân học đại cương | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về nhân học: lịch sử phát triển của nhân học thế giới, các trường phái trong nhân học và lịch sử phát triển của nhân học Việt Nam, về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam (vùng, nhóm ngôn ngữ và tộc người), tính thống nhất và đa dạng của văn hóa và tộc người ở Việt Nam, nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta, vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử dân tộc và trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Học phần cũng trang bị những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nghiên cứu nhân học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và văn hóa tộc người. | 2 | Học kì 1 | Tự luận |
| 8 | Khảo cổ học đại cương | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về Khảo cổ học bao gồm: đối tượng nghiên cứu của Khảo cổ học; lịch sử, lí thuyết và phương pháp nghiên cứu bộ môn; các thời đại Khảo cổ học, những thành tựu mới của khảo cổ học thế giới và Việt Nam. | 2 | Học kì 1 | Tự luận |
| 9 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Học phần giúp người học biết được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu được bản chất cách mạng và khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh, sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta trong cách mạng Việt Nam; từ đó | 2 | Học kì 2 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | giải thích được quá trình vận động, phát triển và thành công của cách mạng nước ta, vận dụng được những lí luận cơ bản trong quá trình giảng dạy, xây dựng được niềm tin vào lí tưởng cách mạng, thực hiện được đạo đức con người mới trong môi trường sư phạm. | | | |
| 10 | Pháp luật đại cương | Học phần giúp người học vận dụng được các kiến thức về nhà nước và pháp luật để sử dụng trong giảng dạy và cách ứng xử của cá nhân trong xã hội khi liên quan đến pháp luật; đồng thời có kiến thức và cơ sở lí luận để học các học phần liên quan, thực hiện được các công việc liên quan đến nhà nước và pháp luật. | 2 | Học kì 2 | Tự luận, trắc nghiệm |
| 11 | Ngoại ngữ HP 1 | Học phần giúp người học có kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kiến thức văn hóa, xã hội nhằm giúp người học phát triển năng lực giao tiếp cần thiết và có khả năng vận dụng vào xử lí các tình huống giao tiếp hàng ngày ở trình độ trên bậc 2/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | 4 | Học kì 2 | Tự luận |
| 12 | Giáo dục thể chất 2 | Học phần giúp người học nâng cao sức khỏe và bước đầu hướng dẫn tập luyện một số bài tập thể lực chuyên môn hỗ trợ cho môn thể thao mà người học đã lựa chọn tập luyện. | 1 | Học kì 2 | Kiểm tra thực hành |
| 13 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu nói chung, phương pháp nghiên cứu khoa học nói riêng; xây dựng các kĩ năng liên quan đến tiến trình nghiên cứu (như xác định đề tài, tìm kiếm và xử lí tài liệu, xác lập và kiểm tra giả thuyết), việc viết tiểu luận, khóa luận cũng như bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. | 2 | Học kì 2 | Tự luận |
| 14 | Tâm lí học đại cương | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về bản chất, đặc điểm của hiện tượng tâm lí và các quy luật tâm lí cơ bản của con người (nhận thức, tình cảm, ý chí, hành động và nhân cách...). Trên cơ sở đó giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tế để nhận diện, phân biệt, giải thích được các hiện tượng tâm lí cơ bản, góp phần định hướng cho hoạt động của người học. | 2 | Học kì 2 | Trắc nghiệm, tự luận |
| 15 | Lịch sử Việt Nam cổ | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử Việt Nam từ | 2 | Học kì 2 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| | trung đại 2 | thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX, bao gồm: 1. Quá trình suy yếu của triều Hậu Lê dẫn đến cục diện phân tranh Nam-Bắc; 2. Quá trình phát triển và bảo vệ quốc gia quân chủ độc lập trong thời kì Lê-Mạc-Trịnh-Nguyễn-Tây Sơn (thế kỷ XVI-XVIII) và triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX; 3. Các thành tựu văn minh của Việt Nam trong các thế kỷ XVI-XIX. | | | |
| 16 | Lịch sử thế giới cổ trung đại 2 | Học phần giúp người học có kiến thức về sự chuyển biến sang thời kì phong kiến trên toàn thế giới với Phương Tây sau 476, Phương Đông sau 221 đối với Trung Quốc, 320 với Ấn Độ, sự phát triển của thế giới Hồi giáo... Thời Trung đại vẫn được ghi vào lịch sử nhân loại với sự khốc liệt của những cuộc chiến tranh phong kiến, nhưng cũng là thời kì tham vọng quyền lực của con người còn được ít nhiều kiểm soát bởi danh dự, lí tưởng của đẳng cấp quý tộc. Đây cũng là thời kì chứng kiến sự vĩ đại của ý chí con người mà cho đến giờ nhiều thành tựu vẫn được coi là những đỉnh cao của văn minh nhân loại từng đạt được. | 3 | Học kì 2 | Tự luận |
| 17 | Lý luận sử học | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về lịch sử và khoa học lịch sử; lịch sử sử học Việt Nam và thế giới; một số quan điểm Mác-xít – Leninnít về nhận thức lịch sử xã hội. | 4 | Học kì 2 | Tự luận |
| 18 | Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam | Học phần giúp người học hiểu được quy luật hình thành và phát triển đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có tư duy phản biện đối với các vấn đề, sự kiện chính trị, xã hội trong quá trình học tập, nghiên cứu, làm việc, có khả năng vận dụng kiến thức lịch sử, xã hội trong việc giải thích và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội phát sinh trong đời sống hàng ngày. | 3 | Học kì 3 | Tự luận, vấn đáp |
| 19 | Ngoại ngữ HP 2 | Học phần giúp người học hệ thống hóa lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp, văn hóa, xã hội và phát triển năng lực giao tiếp để có khả năng vận dụng vào xử lí các tình huống giao tiếp thông thường hoặc đặc biệt ở trình độ cận bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | 3 | Học kì 3 | Tự luận |
| 20 | Giáo dục thể chất 3 | Học phần giúp người học tăng khả năng phối hợp vận động, lượng vận động trong thể lực chung và thể lực chuyên môn thông qua các bài tập thể lực đa dạng, | 1 | Học kì 3 | Kiểm tra thực hành |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | chuyên biệt, bước đầu làm quen các hình thức và luật thi đấu của các môn thể thao mà người học đã lựa chọn tập luyện. | | | |
| 21 | Tâm lí học giáo dục | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về cơ sở tâm lí của hoạt động giáo dục ở trường phổ thông. Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức đã học để phân tích các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục phổ thông, hình thành và phát triển tri thức, kĩ năng cần thiết cho bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. | 2 | Học kì 3 | Trắc nghiệm, tự luận |
| 22 | Lịch sử Việt Nam cận đại | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX; Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và phong trào đấu tranh chống Pháp xâm lược của quân và dân Việt Nam; Chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những tác động đối với xã hội Việt Nam; Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX; Các phong trào yêu nước từ sau thế chiến thứ nhất đến năm 1930 và sự xuất hiện các tổ chức cách mạng; Hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo; Cách mạng tháng Tám 1945. | 3 | Học kì 3 | Tự luận, Vấn đáp |
| 23 | Lịch sử thế giới cận đại | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử thế giới từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX, gồm các nội dung chính: (1) Một số cuộc cách mạng Tư sản/Dân chủ diễn ra ở Tây Âu-Bắc Mỹ (cách mạng Netherland, cách mạng Anh, chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, cách mạng Pháp, quá trình thống nhất nước Đức, quá trình thống nhất nước Italia, cải cách nông nô ở Nga); (2) Cách mạng Công nghiệp và Phong trào Công nhân (từ tự phát đến tự giác và sự ra đời của Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Quốc tế I, Quốc tế II); (3) Sự phát triển của Chủ nghĩa Tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền (cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX; biểu hiện qua trường hợp: Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ) và những hệ quả về kinh tế, chính trị, quan hệ quốc tế; (4) Phong trào đấu tranh của một số quốc gia Á - Phi - Mỹ Latin chống sự xâm nhập của Chủ nghĩa Thực dân phương Tây; (5) quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX và thế chiến I (1914-1918). | 4 | Học kì 3 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 24 | Lý luận & phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông | Học phần giúp người học có kiến thức lí luận về dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Từ đó, người học có khả năng áp dụng vào thực tế dạy học lịch sử ở trường phổ thông, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện dạy học cụ thể. | 2 | Học kì 3 | Tự luận |
| 25 | Ngoại ngữ HP 3 | Học phần giúp người học củng cố và bổ sung các kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, phát triển năng lực giao tiếp để có khả năng vận dụng tốt trong việc giải quyết các tình huống giao tiếp ở trình độ bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | 3 | Học kì 4 | Tự luận |
| 26 | Giáo dục học đại cương | Học phần giúp người học hiểu biết và phát triển kĩ năng phân tích các vấn đề cơ bản về cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất, động lực và hệ thống phương pháp dạy học theo các quan điểm dạy học truyền thống và hiện đại. Đồng thời, học phần cũng nhằm phát triển khả năng phân tích các đặc điểm, bản chất và nguyên tắc giáo dục; kĩ năng vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục trong tổ chức hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất, nhân cách cho học sinh phổ thông. | 2 | Học kì 4 | Tự luận, bài tập |
| 27 | Lịch sử văn minh thế giới | Học phần giúp người học có kiến thức về những thành tựu liên quan đến khoa học kĩ thuật, những phát minh sáng tạo của nhân loại để duy trì trái đất và xã hội loài người. Những giá trị nhân văn và những sáng tạo mang tính nhân bản để tạo nên một hành tinh xanh và một thế giới sống hòa mục bên nhau. | 2 | Học kì 4 | Tự luận |
| 28 | Hệ thống các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường phổ thông | Học phần giúp người học có kiến thức về lí luận và kĩ năng về hệ thống phương pháp dạy học và các hình thức dạy học lịch sử ở trường THPT, nhằm trang bị cho người học phẩm chất và năng lực sư phạm thiết yếu phục vụ cho nghề nghiệp sau này. | 3 | Học kì 4 | Tự luận, Bài tập |
| 29 | Lịch sử Đông Nam Á | Học phần giúp người học có kiến thức về lịch sử Đông Nam Á từ khi các quốc gia sơ kì đầu tiên được thành lập đến khi chủ nghĩa thực dân chính thức đặt ách đô hộ lên hầu hết khu vực là một giai đoạn dài của lịch sử khu vực. Nếu tính về mặt thời gian là từ những thế kỉ tiếp giáp công nguyên đến giữa thế kỉ XIX. | 2 | Học kì 4 | Tự luận |
| 30 | Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy Lịch sử địa phương | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về lịch sử địa phương: những nội dung cơ bản về công tác tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, giám định tư liệu cùng các phương pháp cần thiết trong nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương trên địa bàn mà họ sẽ công tác. Qua đó góp phần làm cho lịch sử dân tộc | 2 | Học kì 4 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | càng trở nên gần gũi và sống động với cả người dạy cùng người học tại các địa phương trên cả nước. | | | |
| 31 | Một số vấn đề về thời kì chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn (từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX) | Học phần giúp người học có kiến thức về thời kì chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam (thế kỉ XVI – XIX), gồm một số nội dung chọn lọc về quá trình phát triển lãnh thổ về phía nam thời chúa Nguyễn, vai trò của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn đối với lịch sử dân tộc, những cách tiếp cận khác nhau và những vấn đề phương pháp luận trong nghiên cứu đánh giá thời kì lịch sử này... | 2 | Học kì 4 | Tự luận |
| 32 | Phong trào nông dân trong lịch sử trung đại Việt Nam | Học phần giúp người học hiểu rõ truyền thống đấu tranh anh dũng chống ách áp bức bóc lột phong kiến của giai cấp nông dân Việt Nam. | 2 | Học kì 4 | Tự luận |
| 33 | Lịch sử Việt Nam hiện đại | Học phần giúp người học có kiến thức về tiến trình lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay; Tập trung làm rõ những vấn đề lí luận và thực tiễn thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ (1945 – 1975); Về chủ trương quan điểm đổi mới xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta từ 1986 đến nay... | 4 | Học kì 5 | Tự luận |
| 34 | Lịch sử thế giới hiện đại | Học phần giúp người học có kiến thức về lịch sử thế giới thời hiện đại, cụ thể là từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay. Học phần chú trọng vào các khu vực địa lí như Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á, châu Phi và Bắc Mỹ. Học phần cũng chú trọng vào những vấn đề toàn cầu như: chiến tranh và hòa bình, toàn cầu hóa, ô nhiễm môi trường, khủng bố.... | 4 | Học kì 5 | Tự luận |
| 35 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về chương trình, sách giáo khoa Lịch sử THPT, từ đó, người học biết soạn giáo án, biết vận dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau vào một số bài học cụ thể; biết xây dựng bài học tích hợp, tiến hành tập giảng một số bài cụ thể trước lớp nhằm rèn luyện phong cách tự tin, chững chạc...giúp ích cho việc thực hành nghiệp vụ sư phạm cũng như công tác giảng dạy sau này. | 2 | Học kì 5 | Thực hành, bài tập |
| 36 | Tiếp xúc văn hóa giữa Trung Quốc với | Học phần giúp người học có kiến thức về điều kiện tự nhiên, xã hội và tiến trình lịch sử của các quốc gia Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam. Những | 2 | Học kì 5 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| | Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam trong lịch sử | thành tựu lớn của văn hóa Trung Quốc và quá trình giao lưu và tiếp biến của văn hóa Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam với văn hóa Trung Quốc trên các lĩnh vực kinh tế (kỹ thuật sản xuất), chính trị (tổ chức nhà nước và pháp quyền), văn hóa (tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, giáo dục, thi cử...) trong lịch sử. Bắc. | | | |
| 37 | Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông | Học phần giúp người học sư phạm, chuyên viên quản lý giáo dục ở trường phổ thông có các kiến thức về vị trí, chức năng, nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp, các loại hình tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; phát triển kỹ năng quản lý lớp học, tổ chức hoạt động chủ nhiệm lớp: thiết kế và triển khai kế hoạch chủ nhiệm, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh lớp chủ nhiệm; tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tại trường trung học phổ thông. | 2 | Học kì 5 | Tự luận, bài tập |
| 38 | Kiến thức cơ bản trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản bao gồm: nội hàm các khái niệm “kiến thức”, “kiến thức lịch sử”, “kiến thức cơ bản của bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông”; cách phân loại, đặc điểm của kiến thức lịch sử cơ bản ở trường phổ thông; các yêu cầu mang tính nguyên tắc khi xác định kiến thức cơ bản. | 2 | Học kì 5 | Tự luận |
| 39 | Các yếu tố cơ bản trong quá trình giáo dục hiện đại và vấn đề đổi mới dạy học ở Việt Nam (lí thuyết và ứng dụng) | Học phần giúp người học có kiến thức dựa trên các nguyên lý của khoa học giáo dục quốc tế hiện đại, học phần trình bày 4 yếu tố cơ bản trong quá trình dạy học là mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá và mối quan hệ tương tác giữa chúng với nhau; từ đó xác định con đường đổi mới dạy học ở Việt Nam từ chương trình học đến việc giảng dạy từng học phần (cả về lí thuyết và thực hành). | 2 | Học kì 5 | Bài tập, tiểu luận |
| 40 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông | Học phần giúp người học có biết vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin một cách hợp lý vào một số bài học cụ thể trong sách giáo khoa THPT (áp dụng chương trình cơ bản về dạy học của Intel – dạy học theo dự án, dạy học tích hợp,...). | 2 | Học kì 5 | Thực hành, Bài tập |
| 41 | Thực tập sư phạm 1 | Học phần giúp người học bước đầu tập làm quen với các công việc của một giáo viên tại các trường trung học phổ thông. Cụ thể là: | 2 | Học kì 6 | Thực hành |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thực tế tình hình giáo dục tại địa phương; - Tìm hiểu và thực tập công tác giáo dục (tìm hiểu tình hình học sinh, dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm, đứng lớp tổ chức giờ sinh hoạt chủ nhiệm,...) - Bước đầu tìm hiểu thực tế giảng dạy bộ môn (dự giờ, sinh hoạt tổ bộ môn...) và có thể tham gia giảng dạy học phần (soạn bài, giảng dạy...). | | | |
| 42 | Các cuộc cải cách ở các nước Đông Bắc Á thời cận đại | Học phần giúp người học có kiến thức trong những thập niên cuối của thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các nước Đông Bắc Á như Nhật Bản và Trung Quốc đã tiến hành các cuộc cải cách hầu bắt kịp trình độ phát triển của các nước Âu-Mỹ. Có nước đã gặt hái thành công rực rỡ như Nhật Bản, có nước bị thất bại như Trung Quốc để rồi phải trải qua những biến động kinh hoàng như cách mạng, nội chiến. Học phần sẽ góp phần lí giải cho sự khác biệt vừa nêu. Học phần đồng thời cũng làm rõ rằng dù thành công, Nhật Bản cuối cùng đã dần bước vào con đường chiến tranh để rồi phải gánh chịu những thảm trạng khủng khiếp. | 2 | Học kì 6 | Tự luận |
| 43 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | Học phần giúp người học có kiến thức khái quát, cơ bản, hệ thống về văn hóa vật thể và phi vật thể của Việt Nam. Giúp người học có những hiểu biết về các nội dung của văn hóa Việt Nam như: nguồn gốc, đặc trưng, cấu trúc, quy luật hình thành văn hóa và những thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam. | 2 | Học kì 6 | Tự luận |
| 44 | Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương | Học phần giúp người học có kiến thức khái quát về lịch sử quan hệ quốc tế (QHQT) qua các thời cổ - trung đại, cận đại và hiện đại. Trong đó nhấn mạnh đến những nét lớn về QHQT từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. | 2 | Học kì 6 | Tự luận |
| 45 | Vùng tự do Nam Trung Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) | Học phần giúp người học có kiến thức về sự ra đời, quá trình xây dựng, thành tựu và vai trò, vị trí của vùng tự do Nam Trung Bộ đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954). | 2 | Học kì 6 | Tự luận |
| 46 | Kiểm tra đánh giá kết quả học tập | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về kiểm tra - đánh giá trong dạy học nói chung, dạy học Lịch sử nói riêng; các dạng đề kiểm tra - đánh giá; thực hành soạn một số đề kiểm tra - đánh giá trong một số bài học lịch sử cụ thể thuộc sách | 2 | Học kì 6 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | giáo khoa Lịch sử THPT. | | | |
| 47 | Phát triển chương trình môn học | Học phần giúp người học có kiến thức căn bản, tối thiểu về chương trình như: khái niệm, cấu tạo chương trình; mối quan hệ giữa chương trình với SGK; so sánh Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (2015) với một số chương trình trước để chỉ ra ưu khuyết của từng chương trình. Trên cơ sở đó giúp người học có khả năng tự dạy học theo chương trình. | 2 | Học kì 6 | Tự luận |
| 48 | Giao tiếp sự phạm | Học phần giúp người học có tri thức và kỹ năng giao tiếp sự phạm (nguyên tắc, phong cách, phương tiện và kỹ thuật giao tiếp sự phạm...). Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để tiếp cận với các đối tượng khác nhau trong môi trường sự phạm; hiểu được và giao tiếp - ứng xử phù hợp với đối tác; giải quyết các tình huống giao tiếp hiệu quả và góp phần xây dựng văn hóa học đường. | 2 | Học kì 6 | Tự luận |
| 49 | Thực tế chuyên môn | Học phần giúp người học vận dụng các kiến thức thông sử đã học để cảm nhận bằng các giác quan về một di tích lịch sử cụ thể, từ đó hình thành các kỹ năng để tạo biểu tượng lịch sử, liên hệ với thực tiễn và sưu tầm các mảng tài liệu trực quan cho quá trình dạy học sau này. | 2 | Học kì 6 | Tự luận |
| 50 | Công cuộc cải cách – mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay | Học phần giúp người học có kiến thức về 30 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội “kiểu cũ”, bên cạnh những thành tựu, Trung Quốc còn bộc lộ nhiều hạn chế. Vì vậy, nước này đã tiến hành cải cách và mở cửa (từ 1978 đến nay), từng bước xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN. Gần 40 năm qua họ đã vượt không ít khó khăn, đạt nhiều thành tựu lớn và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, rất đáng để thế giới và Việt Nam ta học tập. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 51 | Biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kì đổi mới (từ 1986 đến nay) | Học phần giúp người học làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của Chủ nghĩa xã hội đổi mới, về chủ trương, quan điểm đổi mới và thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay trên cả lĩnh vực kinh tế và xã hội. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 52 | Những vấn đề cập nhật của Lịch sử Việt Nam | Học phần giúp người học củng cố kiến thức cơ bản có hệ thống về lịch sử dân tộc, đồng thời trang bị các kiến thức cập nhật về lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu dạy học lịch sử dân tộc và các học phần chuyên đề về lịch sử dân tộc trong chương trình giáo dục | 3 | Học kì 7 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | THPT. | | | |
| 53 | Những vấn đề cập nhật của Lịch sử thế giới | Học phần giúp người học những cách tiếp cận mới và những kiến thức mới về những sự kiện trọng đại lịch sử thế giới. | 3 | Học kì 7 | Tự luận |
| 54 | Những vấn đề cập nhật về Lý luận và phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông (lí luận và thực hành) | Học phần giúp người học nắm được những quan điểm, phương pháp dạy học hiện đại, cách đánh giá người học... có tính cập nhật trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; có khả năng sử dụng tương đối thành thạo và linh hoạt các phương pháp dạy học mới phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện dạy học cụ thể, có khả năng vận dụng các phương pháp này để thiết kế và giảng dạy các chủ đề tích hợp. | 3 | Học kì 7 | Tự luận |
| 55 | Một số vấn đề về nhà nước và làng xã Việt Nam trong lịch sử | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và tổ chức bộ máy nhà nước ở Việt Nam qua các thời kì lịch sử; giới thiệu một số vấn đề cơ bản về lịch sử và văn hoá làng xã Việt Nam, về vai trò, vị trí của làng xã trong quá trình dựng nước và giữ nước. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 56 | Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào Duy Tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam | Học phần giúp người học có kiến thức về bối cảnh lịch sử (hoàn cảnh thế giới và Việt Nam) của khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX. Vì sao Việt Nam cần phải tiến hành canh tân ? Nội dung các đề nghị canh tân của một số quan lại và trí thức phong kiến như Phạm Phú Thứ, Bùi Viện, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch... Thái độ của triều đình nhà Nguyễn trước các đề nghị canh tân đất nước; Lý giải vì sao khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX ở Việt Nam không thể thực thi trong thực tế; Bối cảnh lịch sử của phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam; thành phần khởi xướng và lãnh đạo phong trào duy tân; mục đích của phong trào duy tân, diễn biến của phong trào duy tân ở ba miền Bắc, Trung và Nam; kết quả và ý nghĩa lịch sử của phong trào. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 57 | Vấn đề thắng từng bước đế quốc Mỹ trong chiến tranh cách mạng miền Nam | Học phần giúp người học có kiến thức về một trong những nguyên nhân đưa đến thắng lợi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Việt Nam đó là vai trò chỉ đạo kháng chiến của Đảng Lao động Việt Nam, được thể hiện cụ thể ở nghệ thuật biết thắng từng bước đế quốc Mỹ trong chiến tranh cách mạng | 2 | Học kì 7 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| | Việt Nam (1954 – 1975) | giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc 1954-1975. | | | |
| 58 | Tiến trình lịch sử kinh tế - ngoại giao Việt Nam | Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử các hoạt động kinh tế và ngoại giao của Việt Nam, mối quan hệ giữa hai lĩnh vực này trong lịch sử Việt Nam và vai trò của mối quan hệ đó đối với sự phát triển của quốc gia qua các thời kì lịch sử. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 59 | Giáo dục chuyên nghiệp ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1862 – 1945) | Học phần giúp người học có kiến thức về mục đích, sự thiết lập, quá trình hoạt động, đặc điểm của hệ thống giáo dục chuyên nghiệp Nam Kỳ để từ đó xem xét ảnh hưởng của hệ thống giáo dục này đối với đời sống văn hóa – giáo dục cũng như góp phần làm thay đổi diện mạo kinh tế - xã hội Nam Kỳ thời Pháp thuộc. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 60 | Hoạt động của người Việt Nam yêu nước tại Pháp (1912 – 1925) | Học phần giúp người học có kiến thức chuyên sâu về thời kì hoạt động của người Việt Nam yêu nước tại Pháp từ năm 1912 đến năm 1925. Qua đó, góp phần nhận, đánh giá về vai trò, vị trí của phong trào người Việt Nam yêu nước tại Pháp đối với phong trào cách mạng trong nước những năm đầu thế kỉ XX. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 61 | Lịch sử cách mạng Pháp | Học phần giúp cho người học có một cái nhìn toàn cảnh và những kiến thức sâu rộng liên quan đến biến cố này (lịch sử nghiên cứu, nguyên nhân, tiền đề, diễn biến, ý nghĩa lịch sử). | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 62 | Các cuộc cải cách ở Liên Xô từ đầu thập niên 20 đến giữa thập niên 80 của thế kỉ XX | Học phần giúp người học có kiến thức trong quãng thời gian tồn tại hơn 70 năm, chế độ Xô viết ở Nga đã trải qua không ít cuộc khủng hoảng. Để vượt qua những cuộc khủng hoảng đó, những người lãnh đạo chế độ Xô viết đã tiến hành các cuộc cải cách sau: NEP trong thập niên 1920, tập thể hóa nông nghiệp và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong thập niên 1930, cải cách trong những năm 1953-1964 và trong thập niên 1970. Tất cả những cuộc cải cách đó đều không mang lại kết quả như mong muốn. Tại sao? Học phần sẽ mang lại câu trả lời dựa vào các công trình nghiên cứu đã được giới học giả Âu-Mỹ và Nga công bố sau khi chế độ Xô viết sụp đổ. Học phần cũng sẽ mang lại cho học viên một cách tiếp cận vấn đề mới. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 63 | ASEAN và quan hệ Việt Nam – ASEAN | Học phần giúp người học có kiến thức về nguyên nhân ra đời, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động, quá trình hoạt động của ASEAN, thành tựu và hạn chế, cơ hội và | 2 | Học kì 7 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | thách thức, triển vọng trên con đường phát triển; quan hệ Việt Nam – ASEAN từ khi tổ chức này thành lập (1967) đến nay. | | | |
| 64 | Giáo dục Nhật Bản | Học phần giúp người học có kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của nền giáo dục Nhật Bản trong lịch sử và vị trí của giáo dục đối với sự phát triển của Nhật Bản. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 65 | Phương pháp tiếp cận và giảng dạy các dạng bài trong sách giáo khoa Lịch sử Trung học phổ thông | Học phần giúp người học có kiến thức về đặc trưng của các dạng bài theo chủ đề chiến tranh – cách mạng, văn hoá – văn minh, chính trị - xã hội, kinh tế trong SGK Lịch sử THPT; Những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để giảng dạy các bài theo chủ đề chiến tranh – cách mạng, văn hoá – văn minh, chính trị - xã hội, kinh tế trong SGK Lịch sử THPT; Phương pháp giảng dạy các bài theo chủ đề chiến tranh – cách mạng, văn hoá – văn minh, chính trị - xã hội, kinh tế trong SGK Lịch sử THPT; Thực hành giảng dạy một số bài cụ thể trong SGK Lịch sử THPT. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 66 | Một số biện pháp pháp tổ chức học sinh lĩnh hội kiến thức cơ bản trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông | Học phần giúp người học có kiến thức về một số biện pháp tổ chức học sinh lĩnh hội kiến thức cơ bản theo hướng đổi mới, gồm: Đặt mục đích học tập trước học sinh; hướng dẫn học sinh giải bài tập nhận thức; sử dụng tài liệu tham khảo ngoài SGK; kết hợp các phương pháp dạy học; củng cố kiến thức cơ bản; tổ chức kiểm tra đánh giá và hướng dẫn học sinh tự kiểm tra đánh giá. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 67 | Sử dụng kiến thức lịch sử thế giới để dạy tốt lịch sử dân tộc | Học phần giúp người học có kiến thức về ý nghĩa của việc sử dụng kiến thức lịch sử thế giới trong giảng dạy lịch sử dân tộc; Mối quan hệ giữa kiến thức lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam theo từng giai đoạn; Phương pháp sử dụng kiến thức lịch sử thế giới vào giảng dạy lịch sử dân tộc trong các bài cụ thể. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 68 | Giảng dạy lịch sử theo hướng tiếp cận tư liệu lịch sử | Học phần giúp người học có kiến thức về con đường nhận thức của học sinh trong học tập lịch sử; khái niệm tư liệu lịch sử, phân loại tư liệu lịch sử, đặc điểm, tiêu chuẩn của tư liệu lịch sử và ý nghĩa, phương pháp sử dụng từng loại tư liệu lịch sử cụ thể trong dạy học đối với hoạt động nhận thức lịch sử của học sinh. Trên cơ sở lí thuyết, người học sẽ được hướng dẫn thực hành giảng dạy theo hướng cho học sinh tiếp cận các loại tư liệu lịch sử vào những bài dạy cụ thể trong SGK Lịch sử THPT. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 69 | Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông | Học phần giúp người học đi sâu phân loại, lựa chọn các kênh hình tiêu biểu; rèn luyện cách sử dụng (đọc; phân biệt thông tin đúng – sai trên các kênh hình ...) để góp phần giúp họ có khả năng hướng dẫn học sinh học lịch sử qua kênh thông tin này. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 70 | Tiếp cận các phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông | Học phần giúp người học có kiến thức cần thiết về các phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học Lịch sử ở trường THPT. Chuyên đề chủ yếu đề cập đến các nội dung sau: Đặc trưng của các phương pháp dạy học hiện đại; Một số phương pháp dạy học hiện đại cụ thể: dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phương pháp dạy học tích cực, dạy học theo dự án...; Tiến hành giảng dạy một số bài cụ thể trong SGK Lịch sử THPT bằng các phương pháp dạy học hiện đại. | 2 | Học kì 7 | Tự luận |
| 71 | Thực tập sư phạm 2 | Học phần giúp người học tiếp tục tìm hiểu và thực tập chi tiết hơn các công việc của một giáo viên tại các trường trung học phổ thông cụ thể là: - Tìm hiểu thực tế tình hình giáo dục tại địa phương; - Tìm hiểu và thực tập công tác giáo dục (tìm hiểu tình hình học sinh, dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm, đứng lớp tổ chức giờ sinh hoạt chủ nhiệm,...) - Tìm hiểu thực tế giảng dạy bộ môn (dự giờ, sinh hoạt tổ bộ môn...) và thực tập giảng dạy học phần (soạn bài, giảng dạy...). Trong đó, việc thực tập giảng dạy đóng vai trò trọng tâm. | 8 | Học kì 8 | Thực hành |
| 72 | Giáo dục Quốc phòng – Học phần I | Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. | 30 tiết | Học kì hè | Trắc nghiệm, tự luận |
| 73 | Giáo dục Quốc phòng – Học phần II | Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực quốc phòng và an ninh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc. | 30 tiết | Học kì hè | Trắc nghiệm, tự luận |
| 74 | Giáo dục Quốc phòng – Học phần III | Học phần giúp người học có kiến thức về đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiên công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiên công; trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54 và thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam. | 85 tiết | Học kì hè | Vấn đáp, thực hành |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|-----------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 75 | Giáo dục Quốc phòng – Học phần IV | Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang; công tác dân vận của Đảng hiện nay. | 20 tiết | Học kì hè | Trắc nghiệm, tự luận |

2. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp: **không có**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Hồng